CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

Tổng công ty IDICO - CTCP

Ngày 30/09/2025	38,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	**-7.4%**	-

DT thuần
Q3/25
2,871
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1,108| 62.9%
YoY: ▲ 595| 26.2%

LN thuần
Q3/25
1,210
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 719| 147%
YoY: ▲ 495| 69.3%

LN sau thuế
Q3/25
981
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 565| 136%
YoY: ▲ 407| 70.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
43.6%
YoY: +/-▲ 12.5%

ROE (TTM)
Q3/25
24.4%
YoY: +/-▲ 2.2%

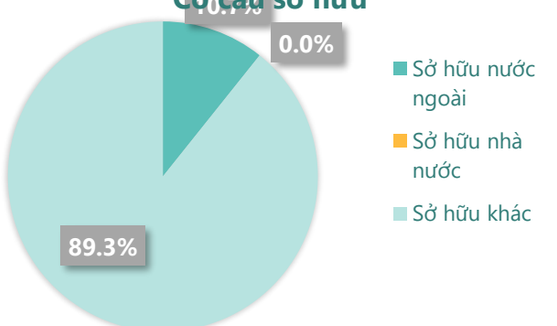
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	29,841 - 48,732
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	14,611
Số lượng CPLH (CP)	379,498,823
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,191,460
Sở hữu nước ngoài	10.7%
Beta	1.37
EPS	4,850
P/E	7.9

DT thuần
9T 2025
6,428
tỷ VNĐ
YoY: ▼463| -6.7%

LN thuần
9T 2025
2,177
tỷ VNĐ
YoY: ▼264| -10.8%

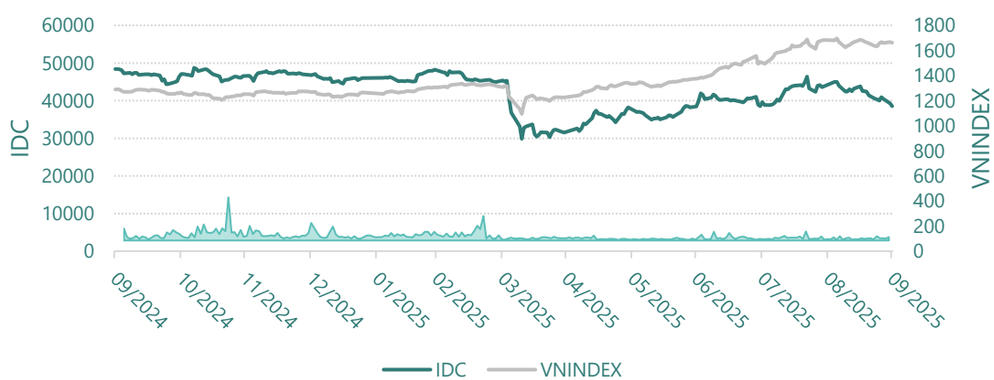
LN sau thuế
9T 2025
1,814
tỷ VNĐ
YoY: ▼141| -7.2%

Cơ cấu sở hữu

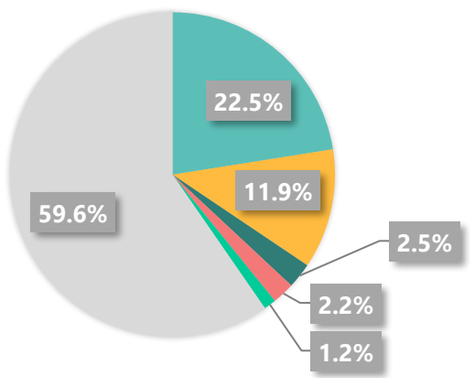


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



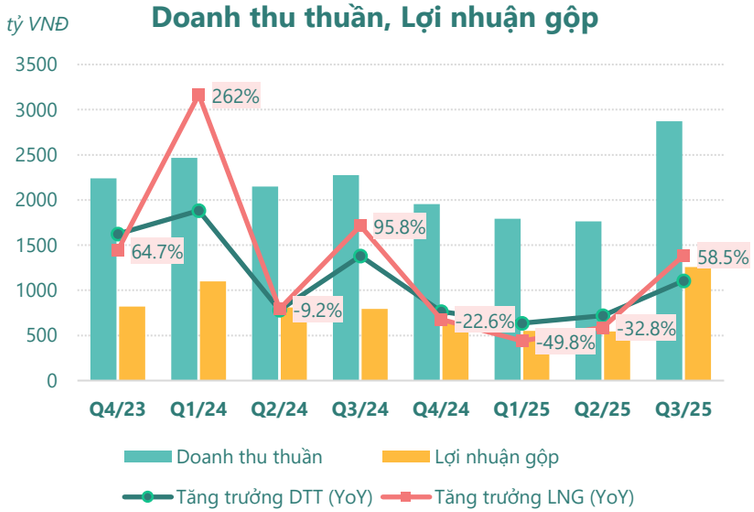
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

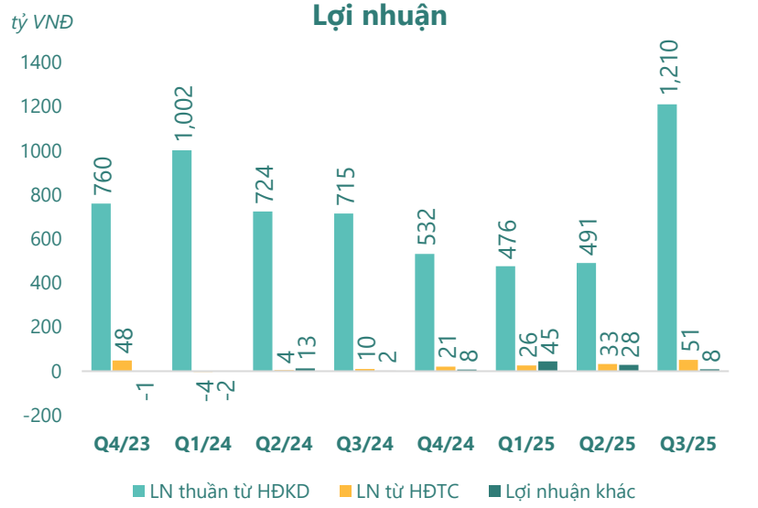
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



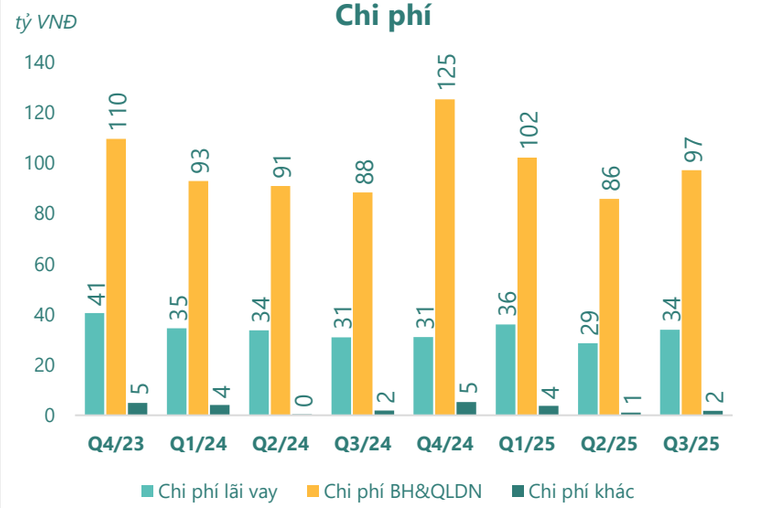
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



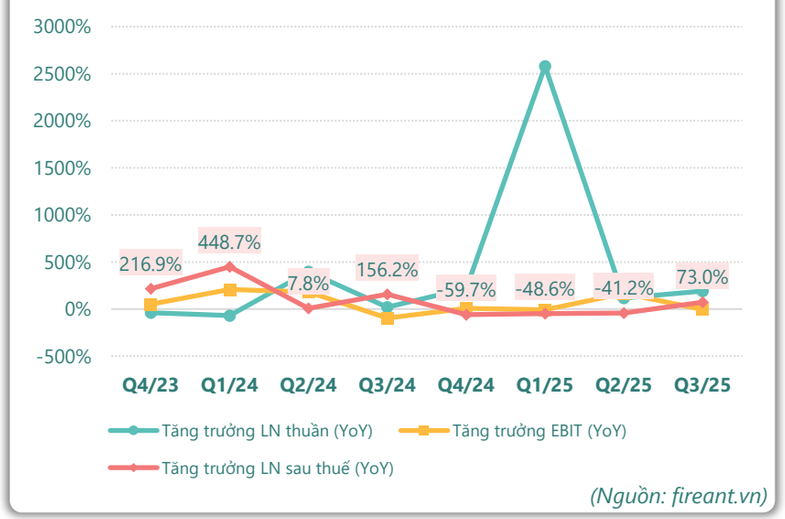
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



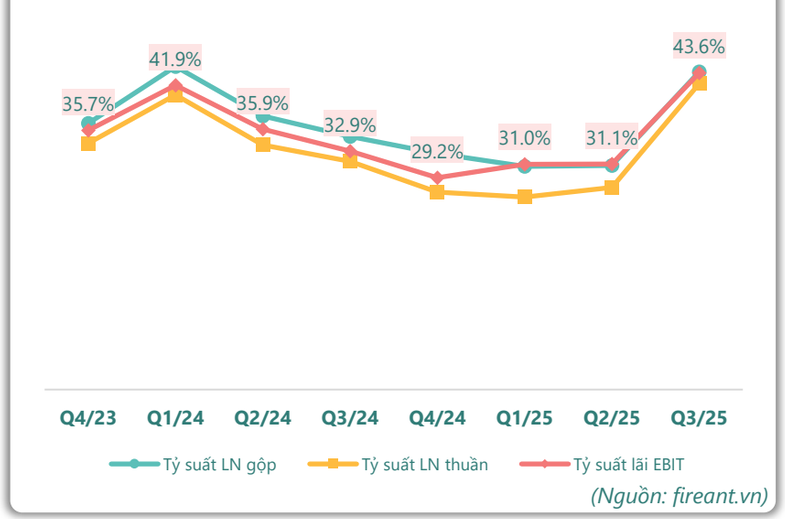
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



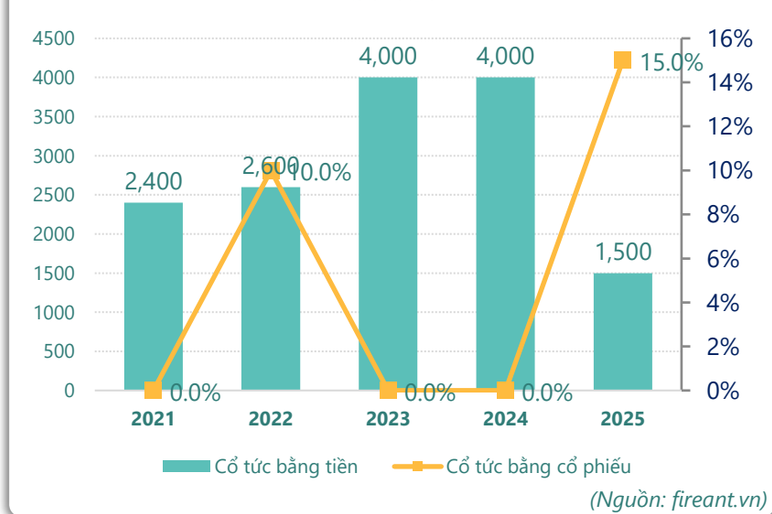
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

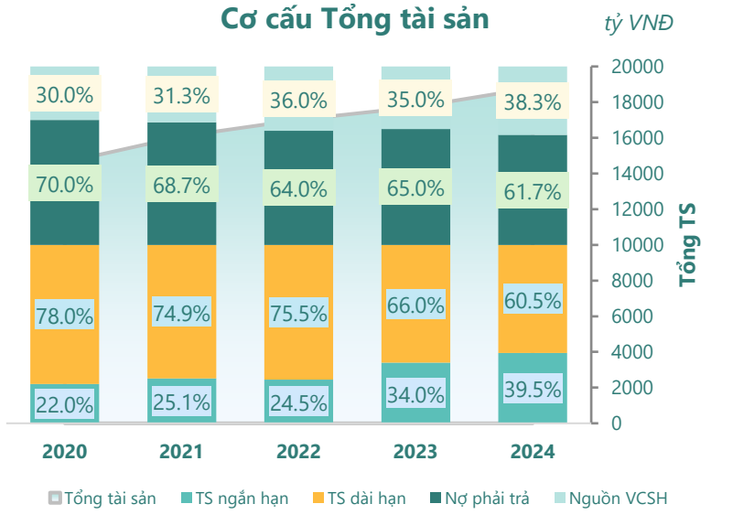
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

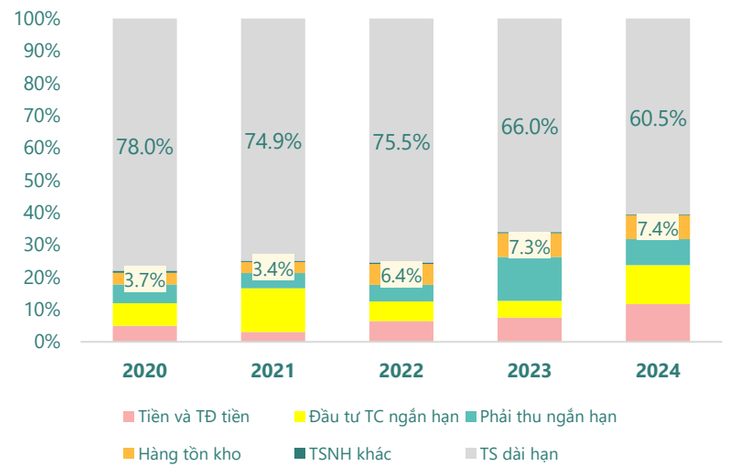
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



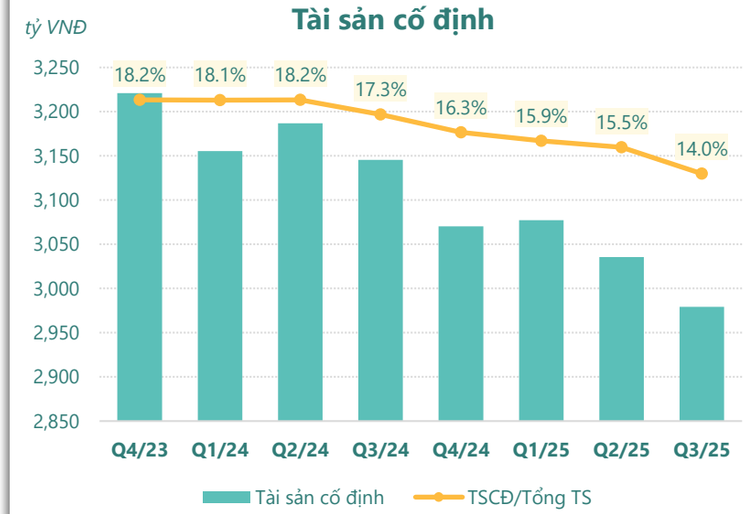
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



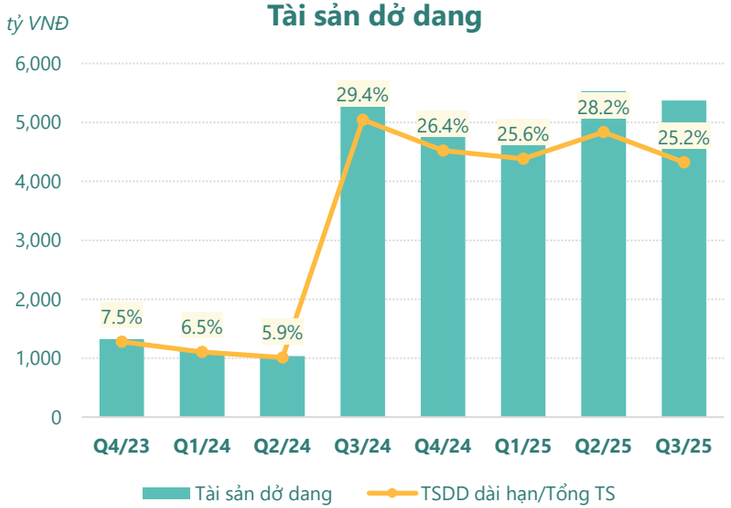
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



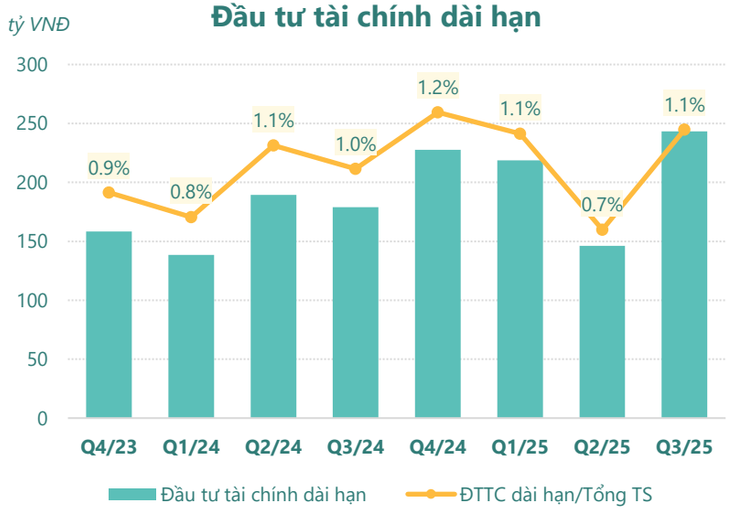
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



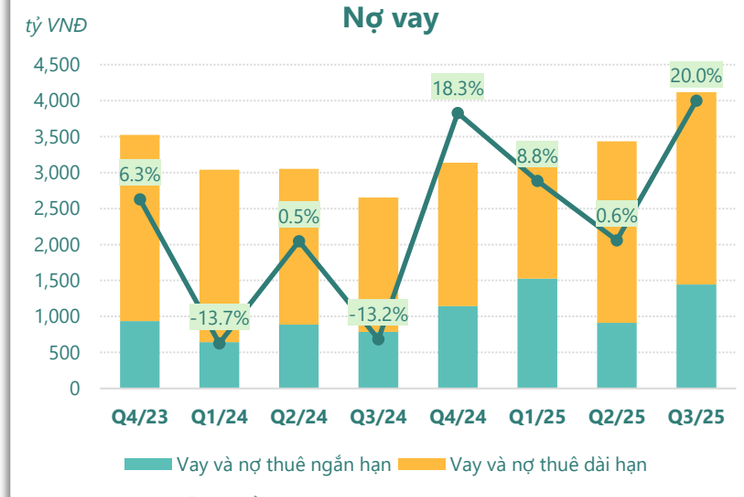
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

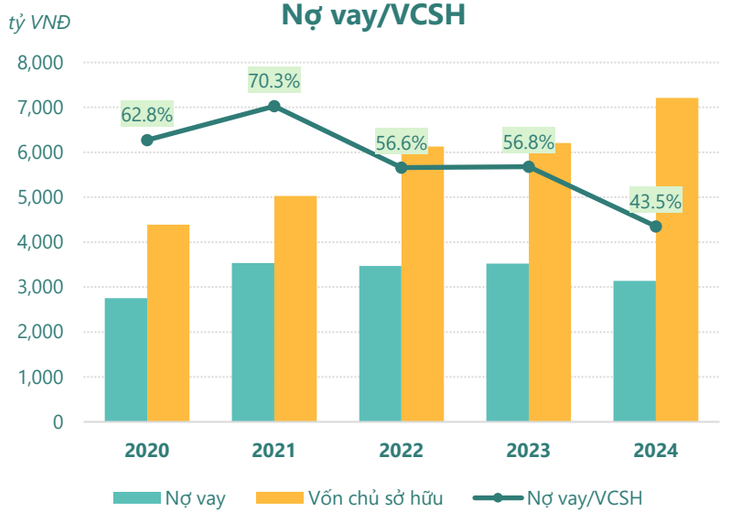
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

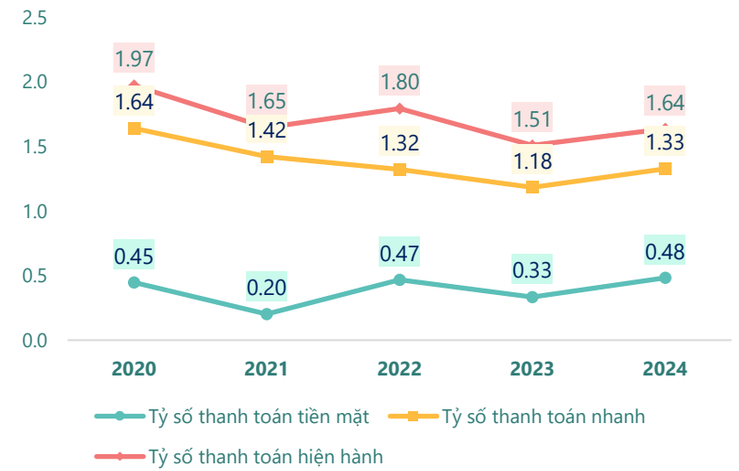
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



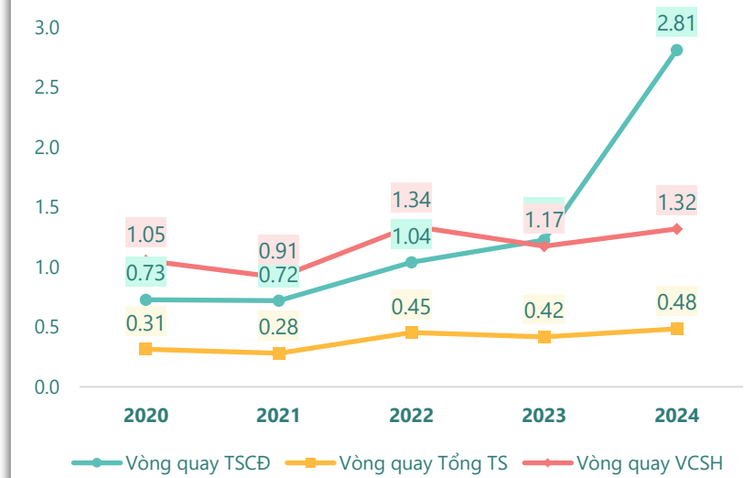
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



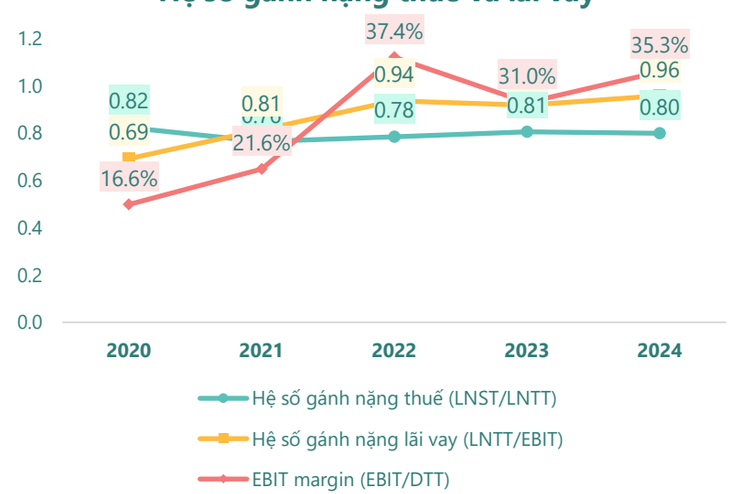
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



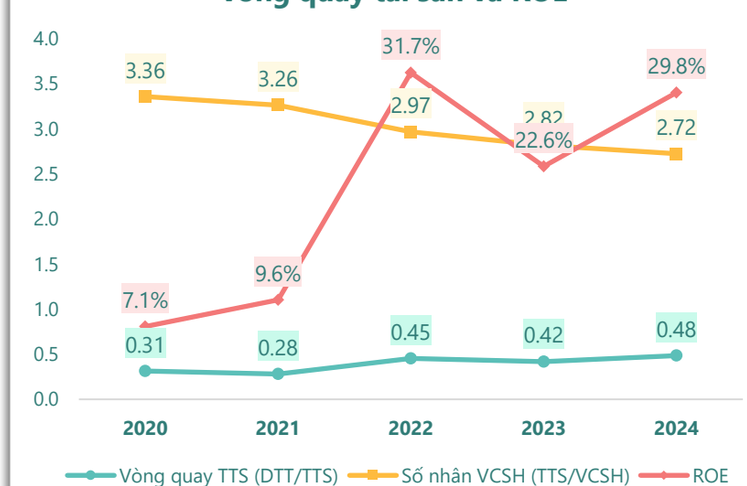
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



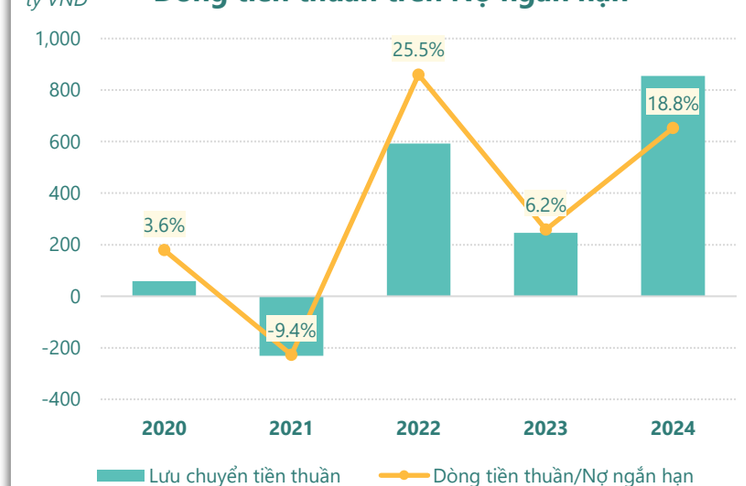
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**2,871**	**2,276**	**26.2%**	**6,428**	**6,891**	**-6.7%**
Giá vốn hàng bán	1,614	1,482	8.9%	4,075	4,190	-2.7%
Lợi nhuận gộp	1,257	793	58.5%	2,353	2,701	-12.9%
Doanh thu HĐTC	84.8	44.4	91.0%	213	115	85.4%
Chi phí TC	34.1	34.4	-0.8%	103	104	-1.1%
Chi phí lãi vay	33.9	31.0	9.4%	98.6	99.3	-0.7%
LN trong công ty LKLD	**-0.14**	**0.20**	**-170%**	**-0.12**	**1.44**	**-108%**
Chi phí bán hàng	26.6	27.4	-3.1%	76.3	96.5	-20.8%
Chi phí QLDN	**70.7**	**61.0**	**15.9%**	**209**	**176**	**18.8%**
LN thuần từ HĐKD	1,210	715	69.3%	2,177	2,441	-10.8%
Lợi nhuận khác	**8.08**	**1.54**	**424%**	**81.3**	**12.4**	**557%**
LN trước thuế	1,218	717	69.9%	2,259	2,453	-7.9%
Lợi nhuận sau thuế	**981**	**574**	**70.9%**	**1,814**	**1,955**	**-7.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**842**	**511**	**64.7%**	**1,483**	**1,639**	**-9.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1,373	1,257	303	593	809	1,542
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-597	-557	34.2	-745	-1,693	-2,242
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-873	-423	563	257	-546	629
Tiền đầu kỳ	1,108	1,010	1,288	2,188	2,293	863
Lưu chuyển tiền thuần	**-97.7**	**277**	**900**	**105**	**-1,430**	**-71.6**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.09	-0.06	0.07	0.00	0.04	0.02
Tiền cuối kỳ	1,010	1,288	2,188	2,293	863	792

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**21,293**	**18,800**	**13.3%**
Tài sản ngắn hạn	9,563	7,422	28.8%
Tiền và tương đương tiền	792	2,188	-63.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5,646	2,264	149%
Phải thu ngắn hạn	1,774	1,515	17.1%
Hàng tồn kho	1,312	1,401	-6.3%
Tài sản ngắn hạn khác	38.6	54.2	-28.8%
Tài sản dài hạn	**11,730**	**11,378**	**3.1%**
Phải thu dài hạn	110	103	6.1%
Tài sản cố định	2,979	3,069	-2.9%
Bất động sản đầu tư	2,581	2,539	1.7%
Tài sản dở dang	5,374	4,959	8.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	243	228	6.6%
Tài sản dài hạn khác	**422**	**447**	**-5.6%**
Lợi thế thương mại	21.5	32.1	-33.0%
Nợ phải trả	12,926	11,593	11.5%
Nợ ngắn hạn	**4,317**	**4,533**	**-4.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,444	1,144	26.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	313	302	3.9%
Nợ dài hạn	8,609	7,059	22.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,675	1,992	34.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**8,367**	**7,208**	**16.1%**
Vốn chủ sở hữu	**8,367**	**7,208**	**16.1%**
Vốn điều lệ	3,795	3,300	15.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)